TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 18/4/2023
V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Xuân Long

Các Thẩm phán: 1/ Ông Huỳnh Văn Ngoan;

2/ Bà Lưu Thị Thu Thủy.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2023/TLPT-HNGĐ ngày 08/3/2023 về việc tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con*"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2023/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 503/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Đồng Thùy N**, sinh năm 1995 (Có mặt).

Địa chỉ: số B, đường C, phường D, quận H, thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Anh **Ngô Sanh H**, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp 2, xã Tân Hưng, huyện C, tỉnh Tiền Giang

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Ngô Sanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

** Nguyên đơn chị Đồng Thùy N trình bày:*

Chị N với anh Ngô Sanh H kết hôn với nhau vào năm 2018 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh H không quan tâm, chăm sóc vợ con và mâu thuẫn kéo dài đến tháng 10/2022 thì trở nên trầm trọng và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay.

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Ngô Thiên K, sinh ngày 25/8/2020 và cháu Ngô Thiên K1, sinh ngày 24/10/2021, hiện chung sống với chị N.

Tài sản chung, nợ chung: Không có

Nay chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Ngô Sanh H

- Về con chung: Chị yêu cầu nuôi hai con chung là cháu Ngô Thiên K, sinh ngày 25/8/2020 và cháu Ngô Thiên K1, sinh ngày 24/10/2021, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

** Bị đơn anh Ngô Sanh H trình bày:*

Về nguyên nhân và điều kiện kết hôn nhân như chị N trình bày là đúng, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn có phần không đúng, anh vẫn lo cho gia đình, anh xác định trong lúc nóng giận có đuổi chị N về nhà cha mẹ vợ nhưng sau đó anh có xin lỗi gia đình bên vợ và hứa khắc phục nhưng phía chị N không đồng ý. Hiện nay chị N đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 10/2022 cho đến nay

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Như chị N trình bày là đúng.

Nay anh không đồng ý ly hôn với chị N vì anh còn thương vợ, thương con và anh hứa sẽ khắc phục nhược điểm để vợ chồng chung sống lo cho các con. Nếu sau này anh không sửa chữa khắc phục nhượng điểm thì chị N ly hôn anh đồng ý. Nên anh không có yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2023/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định.

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Đồng Thùy N được ly hôn với anh Ngô Sanh H.

- Về con chung: Tiếp tục giao hai con chung là cháu Ngô Thiên K, sinh ngày 25/8/2020 và cháu Ngô Thiên K2, sinh ngày 24/10/2021 cho chị Đồng Thùy N nuôi dưỡng. Anh Ngô Sanh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Nếu anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/01/2023, bị đơn ông Ngô Sanh H có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đồng Thùy N, sinh năm: 1995 với anh. Vì anh vẫn còn thương vợ và các con của anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Bị đơn Ngô Sanh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Đồng Thùy N. Nguyên đơn chị Đồng Thùy N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tũng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện C đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ và giải quyết vụ án có căn cứ, đúng quy định pháp luật; anh H kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh yêu cầu kháng cáo của anh nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục kháng cáo: Anh Ngô Sanh H nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Đồng Thùy N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ngô Sanh H. Anh H đang cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân huyện C xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết là có căn cứ, đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Chị Đồng Thùy N có đơn khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với anh Ngô Sanh H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Xin ly hôn" là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Xét yêu cầu kháng cáo của anh Ngô Sanh H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Chị Đồng Thùy N và anh Ngô Sanh H thông qua mai mối, tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 36 ngày 15/5/2018 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

[4.2] Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị N, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải xúc phạm nhau, anh H không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con; Ngoài ra, giữa chị và mẹ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn, tháng 10 năm 2022 mâu thuẫn gia đình trầm trọng, chị và mẹ chồng cải nhau, anh H không đứng ra hòa giải mà còn chửi mắng chị thậm tệ, mẹ anh H đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà trong đêm tối, chị và các con phải về sống với mẹ ruột chị từ đó cho đến nay, anh H cũng không tới lui thăm nom con và hàn gắn tình cảm với chị. Phía anh H thừa nhận trong thời gian chung sống hai vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, cự cãi, xúc phạm nhau nhưng anh vẫn làm tròn trách nhiệm của người cha, người chồng. Anh luôn có thiện chí khắc phục nhược điểm để hàn gắn tình cảm, tuy nhiên phía chị N và gia đình vợ luôn

tránh mặt, không tạo điều kiện cho anh gặp chị để bàn bạc đưa ra giải pháp xây dựng lại hạnh phúc gia đình.

Nhận thấy: trong thời gian chung sống giữa chị N và anh H xãy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không tôn trọng, xúc phạm danh dự lẫn nhau, bản thân chị N có mâu thuẫn với mẹ chồng nhưng anh H không tìm cách giải quyết làm cho mâu thuẫn vợ chồng và mẹ chồng con dâu ngày càng trở nên trầm trọng, đến cuối tháng 10/2022 thì chị N đưa 02 con về nhà mẹ ruột sống, nhưng anh H và chị N không có thiện chí gặp nhau tìm giải pháp khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà vẫn tiếp tục sống ly thân bỏ mặc nhau, không thương yêu, chăm sóc giúp đỡ nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên hai anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng để lo cho tương lai con chung sau này. Phía anh H cũng đưa ra nhiều giải pháp để hàn gắn và duy trì hôn nhân với chị N, nhưng chị N vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh H. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã thật sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Anh H kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ gì mới. Do đó, yêu cầu kháng cáo của anh H là không có cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Ngô Sanh H.

[4.3] Về con chung: Anh H và chị N có 02 con chung là cháu Ngô Thiên K, sinh ngày 25/8/2020 và cháu Ngô Thiên K1, sinh ngày 24/10/2021 hiện đang sống với chị N. Ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con, anh H không tranh chấp việc nuôi con. Xét thấy, 02 cháu Ngô Thiên K và cháu Ngô Thiên K1 còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ, từ trước đến nay sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự ổn định không bị xáo trộn về môi trường sống, cũng như đảm bảo sự phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần cho các cháu, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao hai cháu cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án cấp sơ thẩm không buộc anh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là đúng quy định pháp luật.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh H không yêu cầu giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh Ngô Sanh H không được chấp nhận nên anh phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Ngô Sanh H.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2023/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thùy N được ly hôn với anh Ngô Sanh H.

- Về con chung: Tiếp tục giao hai con chung là cháu Ngô Thiên K, sinh ngày 25/8/2020 và cháu Ngô Thiên K2, sinh ngày 24/10/2021 cho chị Đồng Thùy N nuôi dưỡng. Anh Ngô Sanh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Nếu anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có

2. Về án phí:

- Chị Đồng Thùy N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0010602 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, chị N đã nộp xong án phí.

- Anh Ngô Sanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0010882 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, anh Ngô Sanh H đã nộp xong án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Xuân Long